TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31- 7-2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Đoàn Thị Kiều Oanh.

2- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 206/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Lê Thanh P, sinh ngày 12/4/1963 (có mặt)

2- Bị đơn: Bà Huỳnh Hồng N, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2024 nguyên đơn ông Lê Thanh P trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Ông Lê Thanh P và bà Huỳnh Hồng N kết hôn với nhau năm 1988, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì vợ chồng đã ly hôn với nhau, đến ngày 29/02/2012 vợ chồng mới đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, vợ chồng về chung sống năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất động quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu tinh tưởng với nhau nên thường cự cãi nhau, làm cho vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, từ đó vợ chồng ly thân với

nhau cho đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên ông yêu cầu xin ly hôn với bà Huỳnh Hồng N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 21/6/1988 và Lê Gia T, sinh ngày 19/5/1992. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Hồng N Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N vẫn vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Lê Thanh P.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Thanh P có ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị N.

Về con chung: Các con đã trưởng thanh nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bà Huỳnh Hồng N được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ nhất mà vẫn vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Thị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông Lê Thanh P và bà Huỳnh Hồng N kết hôn với nhau năm 1988, vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì ly hôn với nhau, đến ngày 29/02/2012 vợ chồng đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của ông P và bà N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất động quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu tinh tưởng với nhau nên thường cự cãi nhau, từ đó vợ chồng ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân đến nay ông bà cũng không tự hoà giải với nhau được.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của ông Lê Thanh P xử cho ông Lê Thanh P và bà Huỳnh Hồng N ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Lê Thanh P và bà Huỳnh Hồng N có 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 21/6/1988 và Lê Gia T, sinh ngày 19/5/1992. Hiện các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Ông Lê Thanh P thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê Thanh P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng ông Lê Thanh P thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho Lê Thanh P.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng cho ông Lê Thanh P đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Xử cho ông Lê Thanh P và bà Huỳnh Hồng N ly hôn.

2.Về con chung: Ông Lê Thanh P và bà Huỳnh Hồng N có 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 21/6/1988 và Lê Gia T, sinh ngày 19/5/1992. Hiện các con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Ông Lê Thanh P thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê Thanh P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng ông Lê Thanh P thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho Lê Thanh P.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng cho ông Lê Thanh P đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0003260 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho ông P có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/7//2024). Đối với bà N vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm